

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐỢT 2 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ hoàn thành lớp Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị đợt 2 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 4207-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Giảng viên lý luận chính trị.
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 03/6/2025 đến ngày 08/7/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Phương Anh	28.9.1995	Hà Giang	Nữ	Tày	HBT/BD 004622	GVLLCT02/2025.01	
2	Trần Thị Thảo Anh	15.3.1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004623	GVLLCT02/2025.02	
3	Trần Mai Anh	22.5.2002	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004624	GVLLCT02/2025.03	
4	Nguyễn Văn Đại	28.02.1990	Đắk Lắk	Nam	Kinh	HBT/BD 004625	GVLLCT02/2025.04	
5	Lê Huy Dân	02.9.1981	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 004626	GVLLCT02/2025.05	
6	Nguyễn Minh Đảo	26.10.1991	Long An	Nam	Kinh	HBT/BD 004627	GVLLCT02/2025.06	
7	Nguyễn Tất Đạt	20.5.1997	Hà Giang	Nam	Tày	HBT/BD 004628	GVLLCT02/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Hà Hồng Điệp	04.10.1986	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004629	GVLLCT02/2025.08	
9	Phạm Văn Đông	01.01.1988	Thanh Hóa	Nam	Mường	HBT/BD 004630	GVLLCT02/2025.09	
10	Nguyễn Văn Hà	21.10.1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 004631	GVLLCT02/2025.10	
11	Dương Thị Thúy Hiền	21.12.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004632	GVLLCT02/2025.11	
12	Nguyễn Thị Hồng	08.11.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004633	GVLLCT02/2025.12	
13	Nguyễn Ngọc Xuân Hương	29.3.1999	Bình Thuận	Nữ	Kinh	HBT/BD 004634	GVLLCT02/2025.13	
14	Hoàng Văn Huy	24.4.1982	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004635	GVLLCT02/2025.14	
15	Lê Khánh Huyền	29.01.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004636	GVLLCT02/2025.15	
16	Nguyễn Thị Khuyên	20.11.1980	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004637	GVLLCT02/2025.16	
17	Phan Khánh Linh	17.9.2002	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004638	GVLLCT02/2025.17	
18	Hoàng Văn Long	30.11.2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004639	GVLLCT02/2025.18	
19	Nguyễn Thành Luân	05.8.1988	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004640	GVLLCT02/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Nguyễn Thúy Mai	15.8.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004641	GVLLCT02/2025.20	
21	Phạm Thị Kim Ngân	02.8.2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004642	GVLLCT02/2025.21	
22	Nguyễn Thị Ngát	17.4.1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004643	GVLLCT02/2025.22	
23	Nguyễn Thị Ngọc	15.10.1990	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004644	GVLLCT02/2025.23	
24	Vũ Thị Hồng Nhung	05.3.1983	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004645	GVLLCT02/2025.24	
25	Doãn Hồng Nhung	17.3.2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004646	GVLLCT02/2025.25	
26	Cao Thị Ngọc Phương	25.12.2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004647	GVLLCT02/2025.26	
27	Nguyễn Thọ Quân	04.12.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004648	GVLLCT02/2025.27	
28	Võ Tấn Sang	08.11.2004	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004649	GVLLCT02/2025.28	
29	Trần Thị Ngọc Thanh	02.02.2004	Tây Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004650	GVLLCT02/2025.29	
30	Nguyễn Bình Thành	20.10.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004651	GVLLCT02/2025.30	
31	Hà Thị Phương Thảo	19.5.1984	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004652	GVLLCT02/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Nguyễn Đức Thịnh	21.9.2002	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004653	GVLLCT02/2025.32	
33	Nguyễn Thị Thùy	01.6.1986	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004654	GVLLCT02/2025.33	
34	Trịnh Thị Thủy	26.02.1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004655	GVLLCT02/2025.34	
35	Nguyễn Khánh Toàn	25.02.2001	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004656	GVLLCT02/2025.35	
36	Trần Xuân Toàn	05.12.1999	Bình Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004657	GVLLCT02/2025.36	
37	Trần Toàn Trung	08.10.1988	Tuyên Quang	Nam	Kinh	HBT/BD 004658	GVLLCT02/2025.37	
38	Nguyễn Anh Tùng	19.10.2006	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004659	GVLLCT02/2025.38	

Tổng số: 38 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang